

Bản án số: 36/2018/HS- ST

Ngày: 31- 5- 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuyết

Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thế Định

Bà Nguyễn Thị Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiếu - Kiểm sát viên

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2018, tại Nhà văn hóa khu dân cư phố Phúc Lâm, thị trấn Kinh Môn, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 33/2018/HSST ngày 18/5/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Xuân Ư- Sinh năm 1994.

Tên gọi khác: Lê Phong V

Nơi cư trú: thôn H, xã A, huyện K, tỉnh Hải Dương

Tôn giáo: không; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 07/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Lê Văn T và bà Tôn Nữ Kim Ng, Mẹ nuôi: Nguyễn Thị M; Bị cáo là con một trong gia đình; Vợ: Trần Thị H; Bị cáo có 01 con;

Tiền sự: Không; Tiền án: 01- Tại bản án hình sự sơ thẩm số 80 ngày 12/12/2013 của Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn xử phạt 36 tháng tù về tội Cướp giật tài sản. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/8/2016.

Nhân thân: Năm 2012, bị cáo bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng theo quyết định số 770/QĐ-UB-UC ngày 13/5/2010 của Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện huyện Kinh Môn, chấp hành xong ngày 01/3/2012.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/3/2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Kim Chi- Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 16/3/2018 đến nay. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Lê Thị Thu Hiền- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hải Dương. *Có mặt.*

- *Người bị hại:*

1. Anh Quán Đức S, sinh năm 1972

2. Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1977

Đều ở địa chỉ: thôn H, xã A, huyện K, tỉnh Hải Dương

Anh S đề nghị vắng mặt, chị L có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Đình Q, sinh năm 1997

Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương

2. Anh Dương Ngọc T, sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương

Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 09 giờ ngày 30/4/2017, Nguyễn Xuân U điện thoại cho anh Quán Đức S, ở địa chỉ: thôn H, xã A, huyện K, tỉnh Hải Dương hỏi mượn anh S xe mô tô để đi chơi, anh S đồng ý và bảo U sang nhà lấy. Sau đó U được anh S cho mượn 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Airblade, màu đỏ- đen, biển số: 34N5- 8272 cùng 01 chìa khóa xe của anh S và vợ là chị Hoàng Thị L. U điều khiển xe đến nhà anh Nguyễn Đình Q, sinh năm 1997, địa chỉ: xã A, huyện K, tỉnh Hải Dương rủ Q cùng đi chơi điện tử tại quán Internet ở thôn Dốc Mông, xã Phúc Thành, huyện Kinh Môn. Trong khi chơi điện tử, U nảy sinh ý định đem xe mô tô của vợ chồng anh S để mang đi cầm cố lấy tiền chi tiêu cá nhân lên hỏi anh Q biết chỗ nào cầm xe không, anh Q hỏi xe của ai, U nói xe của U. Anh Q điện thoại cho bạn là Dương Ngọc T, sinh năm 1996, địa chỉ: Thôn Hán Xuyên, xã Thất Hùng, huyện Kinh Môn hỏi chỗ cầm cố xe, anh T hẹn đến sáng ngày hôm sau đến thôn Hán Xuyên, T sẽ đưa đi. Sau đó U đưa Q về nhà, còn U quay lại quán Internet chơi điện tử đến khoảng 07 giờ ngày 01/5/2017, U điều khiển xe mô tô của vợ chồng anh S đến nhà chờ anh Q đến đầu làng thuộc thôn Hán Xuyên- xã Thất Hùng đợi T. Khoảng 15 phút sau, T đến đưa U và anh Q đến gặp anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1992, địa chỉ: thôn Vũ Xá, xã Thất Hùng, huyện Kinh Môn. H hỏi U xe của ai, U nói xe của U, giấy tờ xe để ở nhà. H đồng ý và viết giấy cho U vay số tiền 6.000.000 đồng trong 10 ngày, cắt lãi số tiền 400.000 đồng, U để lại chiếc xe mô tô Airblade, biển số: 34N5- 8272 cho H để làm tin, còn lại 5.600.000 đồng H đưa cho U cầm chi tiêu cá nhân hết và bỏ trốn. Khi không thấy U mang xe về trả, vợ chồng anh

S điện thoại cho U nhiều lần nhưng không liên lạc được, đến tháng 01/2018, U về nhà, anh S có đến gặp đòi xe nhiều lần nhưng U không trả, ngày 19/01/2018, anh S có đơn tố giác U có hành vi chiếm đoạt xe mô tô của gia đình anh S.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 15/HĐĐG ngày 24/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự- Ủy ban nhân dân huyện Kinh Môn kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Airblade đăng ký lần đầu tháng 8/2008, thời điểm ngày 30/4/2018 xe đã khấu hao hết 86,66%, giá trị sử dụng còn lại là 4.735.700 đồng.

Đối với chiếc xe mô tô Airblade, biển số: 34N5- 8272, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kinh Môn đã tiến hành xác minh tại chỗ ở của Nguyễn Văn H, xác định H không có mặt tại địa phương nên chưa thu hồi được, đã ra Thông báo truy tìm vật chứng. Anh S, chị L yêu cầu U phải bồi thường giá trị chiếc xe bị chiếm đoạt.

Tại bản cáo trạng số: 34/CT- VKSKM ngày 16/5/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Nguyễn Xuân U về Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999, nay là điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên toà: Bị cáo U khai nhận hành vi như đã nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt;

Chị L đề nghị xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật và yêu cầu bị cáo Ước trả lại xe mô tô, nếu không trả được xe thì thanh toán trị giá xe mô tô với số tiền là 20.000.000 đồng;

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Tòa án xem xét đến hoàn cảnh gia đình và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được hưởng mức án từ 06 đến 09 tháng tù, về trách nhiệm dân sự đề nghị xem xét buộc bị cáo bồi thường cho gia đình người bị hại trị giá xe máy tại thời điểm định giá tài sản là 2.073.200 đồng;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân U về Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; Áp dụng theo điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999, nay là điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân U từ 09 đến 12 tháng tù, thời hạn tính từ ngày 16/3/2018; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự, Điều 584 của Bộ luật dân sự; Buộc bị cáo U phải thanh toán trả cho anh S và chị L trị giá chiếc xe máy Airblade, biển số: 34N5- 8272 là 4.735.700 đồng; Truy thu của bị cáo số tiền do thu lợi bất chính khi cầm cố xe mô tô là 864.300 đồng nộp vào ngân sách Nhà nước; Về án phí: Do bị cáo là

thuộc trường hợp hộ gia đình nghèo tại địa phương nên theo quy định miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan điều tra Công an huyện Kinh Môn, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai bị cáo đã khai nhận trong quá trình điều tra. Căn cứ vào lời khai của bị cáo khai trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, lời khai của người bị hại, những người làm chứng và các tài liệu liên quan khác được thu thập trong quá trình điều tra; hiện có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 09 giờ ngày 30/4/2017, tại thôn H, xã A, huyện K, tỉnh Hải Dương, Nguyễn Xuân U' đã có hành vi mượn của anh Quản Đức S chiếc xe mô tô nhãn hiệu Airblade, biển số: 34N5- 8272 , có giá trị là 4.735.700 đồng. Sau đó đã nảy sinh ý định chiếm đoạt và mang đi cầm cố lấy số tiền 5.600.000 đồng. Xét, việc bị cáo sau khi mượn tài sản là xe mô tô của vợ chồng anh S, chị Liên để lấy phương tiện đi lại, sau đó đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản là xe mô tô trị giá 4.735.700 đồng, đã tự ý đem đi cầm cố xe mô tô lấy tiền tiêu sài cho cá nhân nên việc bị cáo U' đã bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn truy tố về Tội lạm dụng chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999, nay là điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ. Đồng thời xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội tại huyện Kinh Môn.

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, mặc dù nhận thức được hành vi thực hiện là vi phạm pháp luật hình sự nhưng với mục đích có tiền chi tiêu cho bản thân vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Do vậy, hành vi phạm tội của bị cáo cần xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục đối với chính bị cáo và góp phần vào việc phòng ngừa tội phạm chung. Bị cáo đã bị kết án tại Bản án hình sự sơ thẩm số 80 ngày 12/12/2013 của Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn xử phạt 36 tháng tù về Tội cướp giật tài sản, ngày 21/8/2016 chấp hành xong hình phạt tù nên theo quy định bị cáo tại lần xét xử này phải bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là *tái phạm* theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình

sự. Tuy vậy, khi quyết định hình phạt cũng xem xét việc trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay đã *thành khẩn khai báo* về hành vi phạm tội nên cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt, qua đó thể hiện tính khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội. Xong, xét tính chất mức độ phạm tội mà bị cáo đã gây ra cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa bàn huyện Kinh Môn. Bị cáo là người không chấp hành pháp luật, đã bị kết án về tội chiếm đoạt và đã bị áp dụng biện pháp hành chính đưa vào cơ sở giáo dưỡng năm 2012 nên phải có mức án phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hậu quả tội phạm mà bị cáo đã gây ra, và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để giúp bị cáo phấn đấu, rèn luyện để trở thành công dân sống có ích cho xã hội.

[3] Về hình phạt bổ sung: Xét, bị cáo trước khi phạm tội không có nghề nghiệp ổn định, kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về vật trách nhiệm dân sự: Đối với 01 xe mô tô hiệu Airblade, biển số: 34N5- 8272 bị cáo chiếm đoạt trái phép của vợ chồng anh S, chị L. Hiện chưa hồi được, anh S và chị L đề nghị nhận lại xe, nếu không nhận lại được xe mô tô thì yêu cầu bị cáo bồi thường trị giá xe là 20.000.000 đồng. Xét, hiện xe mô tô bị cáo chiếm đoạt hiện Cơ quan điều tra - Công an huyện Kinh Môn chưa thu hồi được nên không chấp nhận việc đề nghị nhận lại xe mô tô của anh S, chị L. Theo quy định cần phải buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại giá trị xe mô tô tại thời điểm bị cáo chiếm đoạt xe với số tiền 4.735.700 đồng là có căn cứ, đúng quy định nên không có cơ sở chấp nhận mức đề nghị bồi thường của người bị hại và mức bồi thường mà người bào chữa của bị cáo đã đưa ra tại phiên tòa.

[5] Về biện pháp tư pháp: Bị cáo khi cầm cố xe mô tô cho anh H được nhận số tiền là 5.600.000 đồng. Hiện xe mô tô chưa thu hồi được, bị cáo phải bồi thường trị giá xe mô tô cho anh S, chị L số tiền là 4.735.700 đồng, thực tế bị cáo được hưởng lợi bất chính số tiền là 5.600.000 đồng - 4.735.700 đồng = 864.300 đồng, theo quy định cần truy thu, buộc bị cáo phải nộp sung công quỹ Nhà nước số tiền này là có căn cứ, đúng quy định.

[6] Về án phí: Bị cáo phạm tội và có nghĩa vụ bồi thường dân sự nên phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định; Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bị cáo và người bào chữa cho bị cáo trình bày nội dung bị cáo thuộc trường hợp hộ nghèo tại địa phương và xuất trình tài liệu chứng minh việc bị cáo thuộc trường hợp hộ nghèo nên theo quy định, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận đề nghị miễn tiền án phí của bị cáo và người bào chữa cho bị cáo, miễn toàn bộ tiền án

phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự cho bị cáo. Bị cáo U không phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

Trong vụ án này, đối với các anh Nguyễn Đình Q và Dương Ngọc T có hành vi dẫn Nguyễn Xuân U mang xe mô tô nhãn hiệu Airblade, biển số: 34N5-8272 đến gặp Nguyễn Văn H để cầm cố, nhưng anh Q và anh T không biết và U không nói cho anh Q và anh T biết nguồn gốc xe trên là do U phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kinh Môn không đặt ra việc xử lý là có căn cứ, đúng pháp luật nên không đặt ra việc giải quyết.

Đối với Nguyễn Văn H có hành vi nhận cầm cố chiếc xe mô tô biển số: 34N5- 8272, hiện tại H không có mặt tại địa phương, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kinh Môn tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau là có căn cứ, đúng quy định nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết.

Bởi các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175, khoản 1 Điều 48, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 584, Điều 589 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí Tòa án;

1. *Tuyên bố:* Bị cáo Nguyễn Xuân U (tên gọi khác Lê Phong V) phạm tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

2. *Xử phạt:* Bị cáo Nguyễn Xuân U (tên gọi khác Lê Phong V) 12 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 16/3/2018.

3. *Về trách nhiệm dân sự:* Buộc bị cáo Nguyễn Xuân U phải bồi thường cho anh Quản Đức S và chị Hoàng Thị L trị giá chiếc xe mô tô nhãn hiệu Airblade, biển số: 34N5- 8272 là 4.735.700 đồng (Bốn triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn bảy trăm đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân

sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự .

4. *Về biện pháp tư pháp*: Truy thu của bị cáo Ước số tiền do được hưởng lợi bất chính là 864.300 đồng (tám trăm sáu tư nghìn ba trăm đồng) để nộp sung công quỹ Nhà nước.

5. *Về án phí, xử*: Miễn cho bị cáo Nguyễn Xuân Ư (tên gọi khác Lê Phong Vũ) không phải nộp tiền án phí hình sự, án phí dân sự sơ thẩm.

6. *Quyền kháng cáo*: Báo cho bị cáo và chị L biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án; anh S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án giao hoặc niêm yết bản án theo thủ tục quy định ./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- VKSND huyện Kinh Môn;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Công an điều tra- Công an huyện Kinh Môn;
- Trại tạm giam Kim Chi- CA tỉnh HD;
- Chi cục THADS huyện Kinh Môn;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ; Tòa án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Anh Tuyết